

Số: 11 /QĐ-BQL

Hưng Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Quyết định số 239/QĐ-BQL ngày 31/12/2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026,

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Văn phòng Ban Quản lý các khu công nghiệp (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ban, Kế toán Ban và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh;
- Lãnh đạo ban;
- Như Điều 3;
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban;
- Cổng thông tin điện tử của Ban;
- Lưu: VT, VP^{Hoa}.

TRƯỞNG BAN



Cao Quang Hưng

UBND TỈNH HƯNG YÊN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Chương 505
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 11 /QĐ-BQL ngày 14 tháng 01 năm 2026
của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	650.000.000
I	Số thu phí, lệ phí	650.000.000
1	Lệ phí	4.500.000
2	Phí	645.500.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
2	Chi Quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	650.000.000
1	Lệ phí	4.500.000
2	Phí	645.500.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.734.000.000
I	Nguồn Ngân sách trong nước	7.734.000.000
1	Chi quản lý nhà nước	7.309.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.298.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.011.000.000
-	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	266.000.000
-	Chi ứng dụng công nghệ thông tin (gia hạn thiết bị tường lửa)	25.000.000
-	Chi hoạt động thông tin đối ngoại	60.000.000
-	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	580.000.000
-	Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo hiến máu tình nguyện	70.000.000
-	Tổ chức họp giao ban với doanh nghiệp và chủ đầu tư trong khu công nghiệp	60.000.000
-	Mua xe ô tô	950.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Chương 505 loại 100 khoản 105)	425.000.000
-	Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin màn hình LED	425.000.000